TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẤN YÊN - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 02 - 2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẤN YÊN,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hằng;

2. Ông Đặng Minh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2024/TLST-HNGĐ ngày 27-11-2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-12-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 17-01-2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Ninh Thuận, xã Cường Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt có lý do).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn Ninh Thuận, xã Cường Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-11-2024 và bản tự khai ngày 27-11-2024 trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nga Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 31-10-2019 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 08 ngày 31-10-2019). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn Ninh Thuận, xã Nga Quán nay là thôn Ninh Thuận, xã Cường Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Chị Nguyễn Thị Xuân C xác định tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau trong đời sống vợ chồng, bất đồng trong phát

triển kinh tế, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được, tháng 7-2023 anh M tự thuê nhà ra ở riêng, tôi đã nhiều lần gọi điện thoại để anh M quay về hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh M không quay về, chúng tôi sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay tôi (C) xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đỗ Văn M.

Về con chung: Tôi và anh Đỗ Văn M không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và giao nhận, tống đạt các văn bản hợp lệ cho anh Đỗ Văn M nhưng anh M không đến Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh Đỗ Văn M.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Xuân C đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, anh Đỗ Văn M đã được thông báo hợp lệ nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân C được ly hôn anh Đỗ Văn M.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Xuân C phải chịu án theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân C có đơn xin ly hôn đối với anh Đỗ Văn M, nơi cư trú: Thôn Ninh Thuận, xã Nga Quán nay là thôn Ninh Thuận, xã Cường Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Đỗ Văn M được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] *Về thủ tục hoà giải*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Trấn Yên đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, giao nhận, tống đạt các văn bản hợp lệ cho anh Đỗ Văn M nhưng anh M không có mặt tại Toà án. Căn cứ vào Điều 207, Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được nên Toà án nhân dân huyện Trấn Yên đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Xuân C và anh Đỗ Văn M có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã Nga Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 31-10-2019 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau không có tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, kể từ tháng 7-2023 anh M thuê nhà ra ở riêng chị C gọi điện thoại cho anh M về để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh M không về, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị Nguyễn Thị Xuân C làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn M. Anh Đỗ Văn M đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M không đến Toà án giải quyết điều đó cho thấy anh M đã từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng, chị C có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải và giải quyết cho chị được ly hôn. Như vậy Hội đồng xét xử xác định tình cảm vợ chồng trong hôn nhân của chị Nguyễn Thị Xuân C và anh Đỗ Văn M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ xử cho chị Nguyễn Thị Xuân C được ly hôn anh Đỗ Văn M theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Xuân C xác định anh chị không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết mặt khác do anh M chưa có lời khai nên chưa có cơ sở. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Xuân C không yêu cầu Tòa án giải quyết mặt khác do anh M chưa có lời khai nên chưa có cơ sở. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Xuân C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp điều kiện thực tế, khách quan của đương sự nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 208, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân C được ly hôn anh Đỗ Văn M.

2 Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2024/0000583 ngày 25-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND xã Cường Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh